TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Hoàng

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp Viện Kiểm Sát tham gia.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 05 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà **Lê Thị Mỹ N**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ:1035/6A Lâm Quang K, phường An H, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên G.

**** Bị đơn***: Ông **Lý Văn Ph,** sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1035/6A Lâm Quang K, phường An H, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/04/2022 và bản tự khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị Mỹ Nương trình bày:

Bà N và ông Lý Văn Ph tự quen nhau có tổ chức lễ cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Y và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 21/02/2002. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ sống riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2005 vợ chồng mua đất cất nhà sống chung tại Số 1035/6A Lâm Quang K, phường An H, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên Gi.

Cho đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn sống ly thân cho tới nay. Lý do quá trình chung sống bà N và ông Ph không phù hợp quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau trong vấn đề sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế gia đình, anh Ph có quen người phụ nữ khác bên ngoài tên Nguyễn Thị Th không quan tâm vợ con, không còn tôn trọng lẫn nhau, không giúp nhau cùng phát triển tốt hơn, cảm thấy không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng không có tiếng nói chung mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà N làm đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Lý Văn Ph.

Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung 1/ tên Lý T, sinh ngày 10/10/2003; 2/ tên Lý Chí H, sinh ngày 30/10/2005. Hiện nay đang chung sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên H và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con tên T hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà N yêu cầu để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà N xác nhận vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Lý Văn Ph trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Ph không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo cung cấp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Bà Lê Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn ông Lý Văn Ph nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn ông Lý Văn Ph có nơi cư trú tại 1035/6A Lâm Quang K, phường An H, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên G. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn ông Lý Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Lý Văn Ph.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà N và ông Lý Văn Ph tự quen nhau có tổ chức lễ cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Y và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 21/02/2002. Như vậy việc kết hôn của bà N và ông Ph đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai biên bản hoà giải trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày Lý do mâu thuẩn không thể tiếp tục chung sống với ông Ph là vợ chồng không phù hợp quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau trong vấn đề sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế gia đình, ông Ph có quen người phụ nữ khác bên ngoài tên Nguyễn Thị Th và không còn quan tâm vợ con, không còn tôn trọng nhau, không giúp nhau cùng phát triển tốt hơn, cảm thấy không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng không có tiếng nói chung mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai vợ chồng đã tự sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà N làm đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Lý Văn Ph. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn bà N đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn ông Ph không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2] Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung 1/ tên Lý T, sinh ngày 10/10/2003; 2/ tên Lý Chí H, sinh ngày 30/10/2005. Hiện nay đang chung sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên H và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con tên T hiện đã trưởng thành.

Xét yêu cầu xin nuôi con của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà N có công việc làm ổn định tại bệnh viện đa khoa Kiên G, thu nhập bình quân hàng tháng 3.800.000 đồng và có chỗ ở ổn định, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, do đó Hội đồng xét căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà N yêu cầu để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau ly hôn ông Ph và N có chứng cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung mà không tự thỏa thuận được thì khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về công nợ chung: Bà N xác nhận vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002271, ngày 27/04/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà N không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ N được ly hôn với ông Lý Văn Ph.

- Về con chung: Giao người con chung tên Lý Chí H, sinh ngày 30/10/2005 cho bà N Tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Ông Ph có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Ph lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ph.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà N yêu cầu để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau ly hôn ông Ph và N có chứng cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung mà không tự thỏa thuận được thì khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về công nợ chung: Bà N xác nhận vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002271, ngày 27/04/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà N không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Hiệp, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Chân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hoàng **Lê Thị Mỹ** **Trương Hoàng Chân**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Hiệp, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Chân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Bé Em **Lê Thị Mỹ** **Trương Hoàng Chân**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Hiệp, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Chân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Bé Em **Chung Kim Sang** **Đào Đức Luân**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân